

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày 14/9/2021
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.
2. Ông Trần Ngọc Luân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970 và ông Trương Văn T, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Ông T ủy quyền cho bà H. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn Th, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Ngô Thị M, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, bà Nguyễn Thị H, ông Trương Văn T là nguyên đơn (Ông T ủy quyền cho bà H) trình bày: Tháng 3 năm 2017, ông Đỗ Văn Th vay của vợ chồng bà số tiền 100.000.000 đồng để làm giấy phép kinh

doanh nhà nghỉ. Tháng 10 năm 2017 ông Th vay 100.000.000đồng và ngày 18/12/2018 ông Th vay 200.000.000đồng. Tổng số tiền ông Th vay của vợ chồng bà là 400.000.000đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,25%/tháng, thời hạn vay hai bên thỏa thuận bằng miệng là sáu tháng Đến ngày 16/4/2019 ông Th viết giấy vay nợ và đưa cho vợ chồng bà một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 202541 đã được UBND huyện Kim Bảng cấp tên người sử dụng đất bà Ngô Thị M, ông Đỗ Văn Th để làm tin. Sau khi vay tiền thì tiền lãi hàng tháng ông Th trả đầy đủ cho đến hết tháng 7/2020, còn từ đó ông Th không trả nên phát sinh tranh chấp. Nay vợ chồng bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Th phải trả số tiền nợ gốc 400.000.000đồng và lãi 1.25%/tháng kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến thời điểm xét xử, ngoài ra bà không yêu cầu khoản tiền lãi nào khác. Sau khi ông Th trả hết nợ gốc, lãi thì vợ chồng bà sẽ trả lại ông Th giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Th đã đưa.

Ông Đỗ Văn Th là bị đơn trình bày: Ngày tháng cụ thể ông không nhớ, vào khoảng đầu năm 2017 một mình ông đến gia đình chị H vay tiền lần thứ nhất 100.000.000đồng, lần thứ hai sau bảy tháng sau vay 100.000.000đồng và đến cuối năm 2018 vay 200.000.000đồng. Tổng số tiền ông vay của vợ chồng chị H là 400.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,25%/tháng, thời hạn trả hai bên thỏa thuận bằng miệng sáu tháng. Đến ngày 16/4/2019, ông viết giấy vay nợ và để làm tin ông có đưa cho vợ chồng chị H một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 202541 đã được UBND huyện Kim Bảng cấp tên người sử dụng đất bà Ngô Thị M, ông Đỗ Văn Th để làm tin. Việc ông vay nợ tiền do mình ông vay và nhận, bà M là vợ ông không biết. Sau khi vay tiền, tiền lãi hàng tháng ông trả đầy đủ đến hết tháng 7 năm 2020 song do việc kinh doanh thua lỗ nên ông không trả được. Nay chị H, anh T yêu cầu ông phải trả số tiền vay nợ gốc 400.000.000đồng và tiền lãi 1,25%/tháng từ tháng 8/2020 đến thời điểm xét xử, ông nhất trí nhưng vì hoàn cảnh kinh tế của ông khó khăn ông xin trả dần mỗi năm 20.000.000đồng tiền gốc, tiền lãi ông xin không phải trả.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị M trình bày, ngày tháng năm nào giữa ông Th là chồng bà vay nợ tiền của vợ chồng chị H bà không biết. Bà chỉ được biết sau khi ông Th nói vay của vợ chồng chị H số tiền 200.000.000đồng để đáo hạn Ngân hàng. Việc ông Th đưa cho chị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà cũng không biết. Ông Th kinh doanh nhà nghỉ bà có biết nhưng bà không sử dụng chung số tiền ông Th vay và kinh doanh. Nay vợ chồng chị H khởi kiện ông Th phải trả số tiền vay 400.000.000đồng và lãi suất 1.25%/tháng bà không liên quan gì đến số tiền ông Th vay nợ vì đây là khoản nợ riêng của ông Th. Do công việc bận và bà không liên quan đến khoản nợ của ông Th vay nên bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày không bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 186; Điều 228 Bộ luật Tố

tụng dân sự. Các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đỗ Văn Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà H, ông T số tiền gốc 400.000.000đồng và tiền lãi phát sinh là 67.333.000đồng. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trương Văn T phải trả lại cho ông Đỗ Văn Th 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 202541 đã được UBND huyện Kim Bảng cấp tên người sử dụng đất bà Ngô Thị M, ông Đỗ Văn Th, sau khi ông Th thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và lãi cho vợ chồng bà H. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và ông Trương Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết đối với ông Đỗ Văn Th là bị đơn có nơi cư trú tại thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án vẫn xét xử vụ án theo quy định Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật: Vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn Th thoả thuận với nhau về việc cho vay tiền theo đó vợ chồng bà H đã giao tiền cho ông Th và ông Th viết giấy biên nhận là hoàn toàn tự nguyện. Khi tham gia giao dịch các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Giao dịch được xác lập sau ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn Th đều thừa nhận và thống nhất xác định ông Th có vay của vợ chồng bà H số tiền 400.000.000đồng, lãi suất thoả thuận là 1,25%/tháng, khi vay ông Th viết giấy vay nợ ngày 16/4/2019, thời hạn trả thoả thuận bằng miệng 06 tháng, chữ viết, chữ ký trong giấy vay nợ của ông Th nên không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Th phải trả số tiền gốc 400.000.000đồng là có căn cứ được chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự.

[3] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H, ông T đề nghị chỉ nhận và yêu cầu tính lãi suất theo thoả thuận 1,25%/tháng từ tháng 8/2020 cho đến thời điểm xét xử, không yêu cầu,

nhận bất cứ khoản tiền lãi nào khác. Xét thấy, từ khi ông Th vay số tiền gốc 400.000.000đồng, ông Th đã trả được lãi đến hết tháng 7/2020. Nay bà H yêu cầu ông Th trả lãi từ tháng 8/2020 đến thời điểm xét xử theo mức lãi suất là 1,25%/tháng là phù hợp pháp luật. Cụ thể $400.000.000\text{đồng} \times 1,25\% \times 13 \text{ tháng} \times 14 \text{ ngày} = 67.333.000\text{đồng}$ để buộc ông Th có nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc tương ứng thời gian chậm trả.

[4] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 202541 đã được UBND huyện Kim Bảng cấp tên người sử dụng đất bà Ngô Thị M, ông Đỗ Văn Th khi vay tiền ông Th đưa cho vợ chồng bà H để làm tin. Xét thấy, các bên không làm thủ tục thế chấp theo quy định của pháp luật, mặt khác bà M không biết việc ông Th đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà H và không có căn cứ bà M sử dụng chung đối với số tiền ông Th đã vay. Do đó, sau khi ông Th thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và lãi thì vợ chồng bà H phải có trách nhiệm trả lại ông Th Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 202541.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được hoàn trả lại. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn nộp án phí được Tòa án chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 463; Điều 466 và Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự. Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và ông Trương Văn T.

Buộc ông Đỗ Văn Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Trương Văn T số tiền nợ gốc 400.000.000đồng và số tiền lãi 67.333.000đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 467.333.000đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trương Văn T phải trả lại cho ông Đỗ Văn Th 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 202541 đã được UBND huyện Kim Bảng cấp tên người sử dụng đất bà Ngô Thị M, ông Đỗ Văn Th. Sau khi ông Th thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và lãi 467.333.000đồng cho vợ chồng bà H.

2. Án phí: Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H và ông Trương Văn T số tiền 10.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004349 ngày 09/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Miễn tiền án phí cho ông Đỗ Văn Th.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Nguyệt

